

Số: 32/2025/QĐST-DS

Bảo Lộc, ngày 19 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 04 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số E đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số A đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số E đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số B đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Trần Thanh L**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số E đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh **Trần Như N1**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số E đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh **Trần Thái T2**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số E đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Trần Ngọc H1:

- Cháu **Trần Bảo H2**, sinh năm 2005;

Địa chỉ: Số E đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông N và bà T thống nhất giá trị tài sản chung là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.973m² (đo đạc thực tế là 3.050,7m²) trong đó có 400m² đất ở (trên đất có nhà ở) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 979439 do UBND thị xã B cấp ngày 01/12/1998 có giá là 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng) và thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

- Ông N được nhận và toàn quyền sử dụng tài sản là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.973m² (đo đạc thực tế là 3.050,7m²) trong đó có 400m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 979439 do UBND thị xã B cấp ngày 01/12/1998 đứng tên hộ ông Trần Văn N. Ông N phải có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

- Bà T được nhận ½ tài sản chung nói trên trị giá bằng tiền là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Ông N có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T ½ giá trị tài sản chung số tiền là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tài sản tranh chấp là 12.373.218 đồng (mười hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm mười tám đồng). Ông N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã thanh, quyết toán xong.

- **Về án phí:** Ông N và bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông N, bà T đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Bảo Lộc;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền